TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mỹ D năm 1984; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Dương Văn T năm 1978; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D1 trình bày:

Về hôn nhân: Bà D và ông Dương Văn T1 sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dươngtrên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu thì có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình ngày càng căng thẳng, ông T2 xuyên đánh đập bà, ông T3 chi ly tính toán trong chuyện tiền bạc, mỗi ngày ông T4 phát cho bà 100.000 đồng để chi tiêu tính toán trong gia đình, ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2022 đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên bà D xin được ly hôn với ông Dương Văn T5

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 03 con chung tên Dương Uyển N ngày 03/7/2005, Dương Uyển N1sinh ngày 02/5/2009 và Dương Uyển V ngày 22/3/2014. Các con chung đều có nguyện vọng sống cùng với ông T6 bà D đồng ý cho ông T7 nuôi các con chung. Về vấn đề cấp dưỡng thì bà D tự nguyện thực hiện, không đề nghị Tòa án ghi nhận vào trong biên bản.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Dương Văn T5 trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ D1 chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, tỉnh Bình Dươngtrên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc, mâu thuẫn chỉ mới bắt đầu phát sinh từ vài tháng trở lại đây, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà D2 tín dị đoan, tin theo lời của người khác, ông T8 bảo không nghe, sau đó thì bà D3 bỏ nhà đi. Nay nhận thấy mâu thuẫn gia đình chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn đoàn tụ nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 03 con chung là Dương Uyển N ngày 03/7/2005, Dương Uyển N1sinh ngày 02/5/2009 và Dương Uyển V ngày 22/3/2014. Nếu trường hợp Tòa án cho ly hôn ông T9 cầu được nuôi các con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, bà D4 quyết xin ly hôn, ông T10 đồng ý ly hôn, nhưng không có biện pháp để xây dựng gia đình hạnh phúc. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ D5 với ông Dương Văn T5;

Về con chung: Các con chung là Dương Uyển N ngày 03/7/2005, Dương Uyển N1sinh ngày 02/5/2009 và Dương Uyển V ngày 22/3/2014 đã trên 07 tuổi, các con đều có nguyện vọng được sống cùng với ông T, theo Biên bản lấy lời khai ông T11 nguyện vọng được nuôi 03 con chung nên đề nghị HĐXX giao các con chung Dương Uyển NDương Uyển N1và Dương Uyển V1 cho ông T nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục tố tụng, về nội dung vụ án HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản

1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D1 và bị đơn ông Dương Văn T12 đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D6 ông Dương Văn T13 những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình ngày càng căng thẳng, ông T2 xuyên đánh đập bà, ông T3 chi ly tính toán trong chuyện tiền bạc, ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2022 đến nay. Bà D xin ly hôn nhưng do ông còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

[4] Tại Biên bản xác minh đại diện chính quyền địa phương thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn thì địa phương không nắm rõ do nguyên đơn và bị đơn giải quyết nội bộ với nhau, không yêu cầu địa phương giải quyết, chỉ biết hiện tại bà D6 ông T14 sống ly thân.

[5] HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D6 bị đơn ông Dương Văn T5 đã trầm trọng. Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm hòa giải đoàn tụ cho ông bà nhưng ông T xin vắng mặt, bà D cũng không muốn quay về sống chung với ông T15 Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu xác định nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung là Dương Uyển N ngày 03/7/2005, Dương Uyển N1sinh ngày 02/5/2009 và Dương Uyển V ngày 22/3/2014, các con chung đã trên 07 tuổi. Tại Bản tự khai các con chung đều có nguyện vọng sống cùng ông T, ông T16 có nguyện vọng được nuôi con nên HĐXX giao các con chung là Dương U NDương Uyển N1 và Dương Uyển V1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà Dcấp d nuôi con.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX xem xét chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D1 đối với bị đơn ông Dương Văn T5 về việc "Tranh chấp ly hôn".

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D1 được ly hôn với ông Dương Văn T17

2. Về con chung: Giao các con chung Dương Uyển N ngày 03/7/2005, Dương U N1sinh ngày 02/5/2009 và Dương Uyển V ngày 22/3/2014 cho ông Dương Văn T5 trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà Dcấp d nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của bà Nguyễn Thị Mỹ D1. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ D1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2021/0008488 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Khoa